

Vietnam Daily Review

VN-Index giằng co quanh ngưỡng 1020

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/12/2022		•	
Tuần 26/12-30/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng giằng co quanh ngưỡng 1020 điểm tiếp tục với mức thanh khoản thấp. Kết phiên, chỉ số giảm 2 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực khi chỉ có 8/19 ngành tăng điểm, dẫn đầu đà tăng là ngành Xây dựng & vật liệu và Công nghệ thông tin. Về giao dịch của khối ngoại, khối này mua ròng trên hai sàn HSX và HNX. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng đi ngang và chưa có tín hiệu rõ ràng để xác định xu hướng thị trường.

Hợp đồng tương lai: VN30F2301 biến động theo nhịp vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-2.27** điểm, đóng cửa **1020.34** điểm. HNX-Index **-0.49** điểm, đóng cửa **205.3** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.87)**, **FPT (+0.22)**, **MSN (+0.21)**, **PGV (+0.2)**, **POW (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.8)**, **VNM (-0.42)**, **SSI (-0.3)**, **MBB (-0.28)**, **MWG (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,802** tỷ đồng, giảm **-19.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,098 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.14 điểm. Thị trường có **174** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **231** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **229.34** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (83.52 tỷ)**, **VHM (32.82 tỷ)**, **STB (30.66 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **16.35** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1020.34**
Giá trị: 6802.17 tỷ **-2.27 (-0.22%)**
Khối ngoại (ròng): 229.34 tỷ

HNX-INDEX **205.30**
Giá trị: 553.67 tỷ **-0.49 (-0.24%)**
Khối ngoại (ròng): 16.35 tỷ

UPCOM-INDEX **71.01**
Giá trị: 299.5 tỷ **0.18 (0.25%)**
Khối ngoại (ròng): -51.69 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.2	0.92%
Giá vàng	1,796	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,607	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,918	-0.15%
Tỷ giá JPY/VND	17,789	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.5%	0.60%
LS TPCP 5 năm	5.0%	-0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	83.52	SAB	-49.90
VHM	32.82	PDR	-15.64
STB	30.66	VRE	-13.35
FUEVFNVD	28.65	BCM	-8.62
PVD	25.01	KDH	-8.28

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất phân tích kỹ thuật	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

BSC

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 23/12

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.07	-0.28%	2.52%	0.00%	6.34%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	81.81	-0.47%	0.74%	-3.91%	7.45%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.27	0.70%	4.84%	-5.07%	3.10%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1791.86	-1.23%	0.86%	2.43%	-0.89%		PNJ
Bạc	Ounce	23.56	-1.72%	2.20%	9.49%	2.91%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1466.75	-0.96%	-0.46%	2.14%	9.40%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	763.25	-0.59%	0.79%	-6.18%	-6.32%	AFX	
Sữa	Cwt	20.55	-0.10%	0.05%	-2.33%	11.50%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	129.10	-2.20%	-5.35%	1.57%	-24.01%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	20.89	0.67%	4.55%	6.85%	8.58%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	2.83	-2.75%	-1.05%	-0.35%	-3.08%		
Cà phê	LB	168.90	-0.27%	-1.52%	5.27%	-26.95%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.76	-1.21%	-0.08%	3.92%	-14.40%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3932.00	0.36%	-1.43%	6.96%	-15.62%		HPG
Nhôm	Ton	2394.50	0.13%	0.44%	-0.10%	-15.86%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	113.00	2.26%	2.73%	16.49%	-5.83%	HPG	
Than đá	Ton	401.40	0.34%	-0.64%	15.63%	136.81%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent kết thúc phiên ở mức 80.98 USD/thùng, giảm 1.22 USD, tương đương 1.5%; dầu Tây Texas Mỹ (WTI) ở mức 77.49 USD, giảm 80 cent, tương đương 1% so với đóng cửa phiên liền trước.
- Giá dầu giảm khoảng 1 USD/thùng vào thứ Năm sau một phiên giao dịch đầy biến động do tác động của việc dự trữ dầu thô của Mỹ thất chặt hơn dự kiến do cơn bão mùa đông ở Mỹ đã lấn át lo ngại về việc Cục Dự trữ Liên bang (Fed) tăng lãi suất và chính sách của Trung Quốc liên quan đến số ca nhiễm COVID-19 gia tăng – có thể làm giảm nhu cầu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay giảm 1.5% xuống còn 1,786.19 USD/ounce, trong khi vàng kỳ hạn tháng 2/2023 giảm 1.7% xuống 1,795.30 USD.
- Giá vàng giảm trong phiên vừa qua sau khi dữ liệu kinh tế của Mỹ cho thấy nền kinh tế của nước này phục hồi nhanh hơn ước tính trước đó, thúc đẩy đồng USD tăng và có khả năng giúp Fed tự tin hơn trong cuộc chiến chống lạm phát.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 0.7% lên 817.5 nhân dân tệ (117.14 USD)/tấn. Tuy nhiên, lo ngại về tác động kinh tế sau đợt bùng phát dịch COVID-19 trong thời gian tới đã gây áp lực lên giá quặng sắt trên sàn Singapore, khiến giá giảm 1.2% xuống 110.9 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 0.7% lên 817.5 nhân dân tệ (117.14 USD)/tấn. Tuy nhiên, lo ngại về tác động kinh tế sau đợt bùng phát dịch COVID-19 trong thời gian tới đã gây áp lực lên giá quặng sắt trên sàn Singapore, khiến giá giảm 1.2% xuống 110.9 USD/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 giảm 0.45 cent, tương đương 0.3%, xuống 1.689 USD/lb, sau khi tăng lúc đầu phiên sớm với sự hỗ trợ từ đồng real Brazil mạnh lên. Các đại lý cho biết thị trường tiếp tục dao động trong ngày thứ Năm, do khối lượng giao dịch giảm khi nhiều người chuẩn bị đi nghỉ lễ. Giá cà phê robusta giao tháng 3 ít thay đổi, ở mức 1,878 USD/tấn.

Thị trường chứng khoán thế giới

	23/12	% 23/12	22/12	% 22/12	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1020.34	-0.22%	1022.61	-14.41%	-3.05%	7.86%
S&P 500			3822.39	-1.45%	-1.88%	-3.23%
HDTL S&P500	3847.75	-0.04%	3849.25	-3.91%	-0.81%	-4.86%
Shang-hai	3045.87	-0.28%	3054.43	-6.82%	-3.85%	-1.65%
Euro Stoxx	3820.98	-0.06%	3823.29	6.93%	0.45%	-3.18%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
19/12/2022	VCS	57.7	70.5	53.3	56.6	4	-1.91%	Có thể tiếp tục mua
15/12/2022	TLG	51.1	60	45.5	49.5	8	-3.13%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

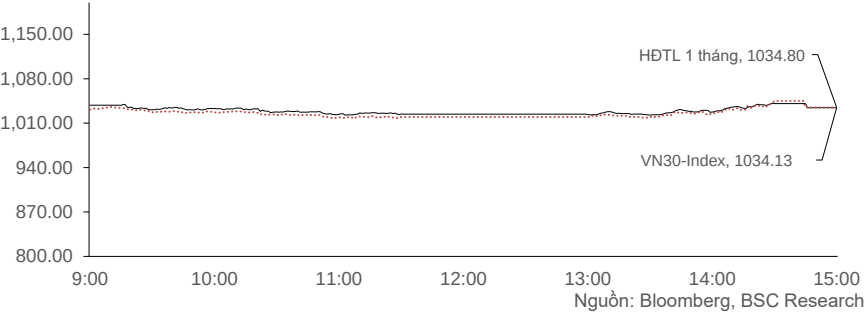
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
8/4/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-2.52%	-2.52%	6
Cổ phiếu đã chốt	250	229	7.06%	-7.48%	4.04%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2301	1034.80	-0.28%	0.67	0.1%	363,886	1/19/2023	34
VN30F2302	1036.00	0.05%	1.87	3.8%	461	2/16/2023	55
VN30F2303	1030.00	0.64%	-4.13	0.0%	52	3/16/2023	83
VN30F2306	1015.00	0.08%	-19.13	163.2%	250	6/15/2023	174

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -4.21 điểm xuống 1034.13 điểm, biên độ dao động 18.86 điểm. Các cổ phiếu như HPG, SSI, MWG, VNM, và MBB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sắc đỏ bao trùm VN30 với biên độ giao động lớn. Thanh khoản vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện khi tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.
- VN30F2301 biến động theo nhịp vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Xét về khối lượng, VN30F2303 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2306 và VN30F2301 giảm, các hợp đồng còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2213	6/6/2023	165	3:1	224,600	44.84%	1,550	1,390	16.81%	883	1.57	20,600	17,000	17,750
CHPG2225	6/6/2023	165	3:1	674,400	50.03%	1,550	1,550	9.15%	1,091	1.42	20,870	17,000	18,350
CPOW2210	6/6/2023	165	1:1	284,900	49.20%	1,870	870	6.10%	814	1.07	13,850	13,000	10,950
CVHM2218	6/6/2023	165	6:1	201,100	34.96%	1,650	720	2.86%	566	1.27	63,180	54,000	49,800
CSTB2215	3/28/2023	95	5:1	1,065,300	55.47%	1,100	890	0.00%	675	1.32	25,722	22,222	23,500
CSTB2223	3/1/2023	68	4:1	181,400	55.47%	1,000	1,100	0.00%	912	1.21	24,471	21,111	23,500
CHPG2215	3/28/2023	95	10:1	737,400	50.03%	1,000	200	0.00%	57	3.52	25,499	22,999	18,350
CTCB2214	6/6/2023	165	3:1	93,900	47.21%	2,470	1,410	0.00%	1,334	1.06	31,680	27,000	27,600
CVPB2213	3/2/2023	69	1.33:1	145,200	43.39%	2,900	890	0.00%	545	1.63	21,327	30,500	18,350
CSTB2218	3/31/2023	98	2:1	653,500	55.47%	2,100	350	-2.78%	650	0.54	28,560	28,000	23,500
CVNM2207	3/28/2023	95	15.4:1	169,600	29.09%	1,100	1,000	-2.91%	626	1.60	88,476	68,668	76,200
CVRE2219	6/6/2023	165	3:1	21,100	45.71%	1,050	690	-4.17%	717	0.96	33,020	29,000	25,800
CHPG2221	3/31/2023	98	4:1	4,608,700	50.03%	1,000	140	-6.67%	86	1.62	25,520	25,000	18,350
CVRE2216	8/31/2023	251	4:1	243,400	45.71%	1,650	640	-7.25%	604	1.06	36,320	31,000	25,800
CVRE2216	8/31/2023	251	4:1	243,400	45.71%	1,650	640	-7.25%	604	1.06	36,320	31,000	25,800
CHPG2224	3/1/2023	68	4:1	2,392,300	50.03%	1,000	370	-9.76%	120	3.09	24,502	22,222	18,350
CVRE2218	3/1/2023	68	5:1	433,800	45.71%	1,000	440	-10.20%	261	1.69	33,538	27,888	25,800
CVRE2218	3/1/2023	68	5:1	433,800	45.71%	1,000	440	-10.20%	261	1.69	33,538	27,888	25,800
CVNM2210	3/2/2023	69	5:1	124,500	29.09%	2,700	1,960	-10.91%	1,196	1.64	87,750	73,000	76,200
CVRE2215	3/31/2023	98	2:1	240,600	45.71%	2,600	590	-11.94%	566	1.04	33,900	30,000	25,800

Tổng 13,172,900 45.93%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CKDH2211 và CVPB2210 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 16.8%. Giá trị giao dịch tăng 4.23%. CHPG2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.39%.
- CSTB2217, CSTB2211, CSTB2218, và CMSN2214 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2222, CSTB2223, CVNM2211, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CSTB2222, CFPT2212, và CFPT2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	45.8	-1.5%	1.0	2,914	3.2	3,504	13.1	2.9	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	108.6	-0.4%	0.7	1,162	0.7	7,720	14.1	3.2	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	47.9	-0.6%	1.0	1,546	1.0	2,359	20.3	1.6	26.8%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	45.7	0.0%	0.8	465	0.0	2,959	15.4	1.4	59.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	55.1	0.2%	0.5	9,137	4.4	290	190.1	1.9	12.8%	1.0%
VRE	Bất động sản	25.8	-0.8%	1.1	2,549	2.1	909	28.4	1.8	32.8%	6.6%
VHM	Bất động sản	49.8	1.6%	0.9	9,428	2.9	7,221	6.9	1.6	24.2%	25.2%
DXG	Bất động sản	13.2	-3.3%	1.9	350	2.8	1,390	9.5	0.8	27.2%	9.2%
SSI	Chứng khoán	18.3	-4.2%	1.7	1,185	9.2	2,253	8.1	1.2	41.2%	14.5%
VCI	Chứng khoán	24.7	-4.3%	1.0	468	3.7	3,018	8.2	1.6	20.0%	20.2%
HCM	Chứng khoán	21.2	-3.6%	1.6	421	4.0	2,087	10.2	1.2	42.8%	14.5%
FPT	Công nghệ	78.0	1.0%	0.9	3,720	4.1	4,803	16.2	4.3	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	51.9	0.0%	0.4	741	0.0	4,926	10.5	2.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	101.5	0.3%	0.9	8,446	1.2	6,968	14.6	3.4	2.9%	25.5%
PLX	Dầu khí	30.9	0.8%	1.5	1,707	0.6	738	41.9	1.7	18.0%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.3	-0.4%	1.4	463	3.3	1,044	21.4	0.9	18.4%	4.1%
BSR	Dầu khí	13.8	2.2%	0.8	1,860	6.2	2,108	6.5	1.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	85.6	0.8%	0.3	487	0.0	6,822	12.5	2.8	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	43.2	-1.1%	1.4	735	1.4	15,533	2.8	1.3	19.5%	56.1%
DCM	Hóa chất	27.8	-0.7%	1.3	640	1.8	7,691	3.6	1.5	12.2%	49.8%
VCB	Ngân hàng	79.1	-0.3%	0.9	16,276	3.8	5,584	14.2	2.9	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	39.0	0.0%	1.0	8,577	1.2	3,201	12.2	2.0	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	27.7	0.2%	1.4	5,777	3.4	3,239	8.5	1.3	27.8%	15.5%
VPB	Ngân hàng	18.4	-0.5%	1.2	5,356	13.5	2,995	6.1	1.3	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	17.8	-1.4%	1.4	3,499	3.5	3,876	4.6	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	22.9	0.0%	1.1	3,363	1.7	3,922	5.8	1.4	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	60.6	0.8%	0.7	216	0.1	6,869	8.8	1.9	86.0%	22.9%
NTP	Nhựa	31.8	0.0%	0.6	179	0.0	3,961	8.0	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	11.3	-0.9%	1.5	540	0.0	178	63.5	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	18.4	-2.9%	1.4	4,639	19.9	2,662	6.9	1.1	21.3%	17.0%
HSG	Thép	11.8	-6.0%	1.8	307	7.6	439	26.9	0.6	7.3%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	76.2	-1.0%	0.5	6,924	5.2	3,778	20.2	5.1	55.7%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	175.0	-0.2%	0.8	4,879	0.6	8,428	20.8	4.6	62.6%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	95.0	0.6%	1.1	5,881	2.2	6,744	14.1	5.3	30.4%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-1.3%	1.5	432	2.5	1,206	12.2	1.1	11.5%	9.1%
ACV	Vận tải	85.0	1.2%	0.8	8,045	0.1	363	234.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	111.5	0.2%	1.1	2,626	1.2	114	976.6	3.4	16.9%	0.4%
HVN	Vận tải	13.6	0.7%	1.7	1,305	0.6	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	46.0	-0.4%	0.8	603	0.1	3,063	15.0	1.9	48.9%	14.2%
PVT	Vận tải	21.5	0.0%	1.3	303	1.3	2,528	8.5	1.2	19.6%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.6	0.4%	0.9	394	0.2	7,783	7.3	1.8	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.5	2.8%	1.0	712	1.1	4,399	8.3	2.2	6.2%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.3	0.0%	1.3	170	0.1	652	15.7	0.8	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	34.4	1.6%	1.5	110	0.2	(832)	#N/A N/A	0.3	52.3%	-0.7%
CII	Xây dựng	13.0	-2.3%	1.6	143	1.2	1,464	8.9	0.6	8.6%	7.1%
REE	Điện	73.9	0.5%	-1.4	1,142	1.1	7,767	9.5	1.8	49.1%	20.2%
PC1	Điện	21.6	3.8%	-0.4	254	3.5	1,507	14.3	1.2	4.3%	8.7%
POW	Điện	11.0	2.3%	0.6	1,115	4.7	499	22.0	0.9	4.8%	3.9%
NT2	Điện	28.7	3.4%	0.7	359	1.4	2,858	10.0	1.9	16.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	21.5	0.5%	1.6	718	2.0	2,934	7.3	1.0	19.1%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	79.8	0%	0.9	3,591	0.5	1,654	48.2	4.7	3.0%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	49.80	1.63	0.87	1.35MLN
FPT	78.00	1.04	0.22	1.22MLN
MSN	95.00	0.64	0.21	552900
PGV	18.90	3.85	0.20	10400
POW	10.95	2.34	0.15	9.76MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	18.35	-2.91	-1	24.81MLN
VNM	76.20	-1.04	0	1.56MLN
SSI	18.30	-4.19	0	11.36MLN
MBB	17.75	-1.39	0	4.51MLN
MWG	45.80	-1.51	0	1.58MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKG	18.40	6.98	0.03	373000.00
PDN	139.60	6.97	0.04	100
VRC	8.29	6.97	0.01	109500
PSH	4.15	6.96	0.01	2.00MLN
HUB	14.65	6.93	0.01	141600

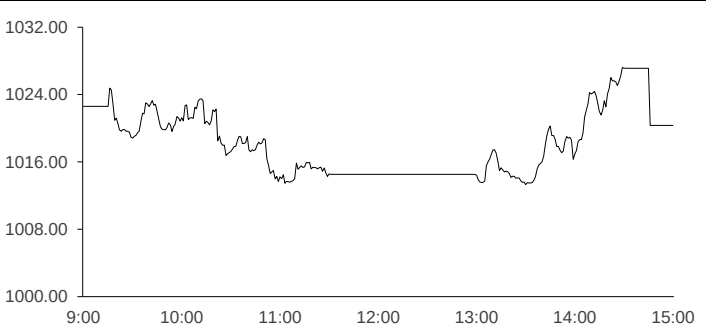
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	18.35	-2.91	-0.80	24.81MLN
VNM	76.20	-1.04	-0.42	1.56MLN
SSI	18.30	-4.19	-0.30	11.36MLN
MBB	17.75	-1.39	-0.28	4.51MLN
MWG	45.80	-1.51	-0.26	1.58MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

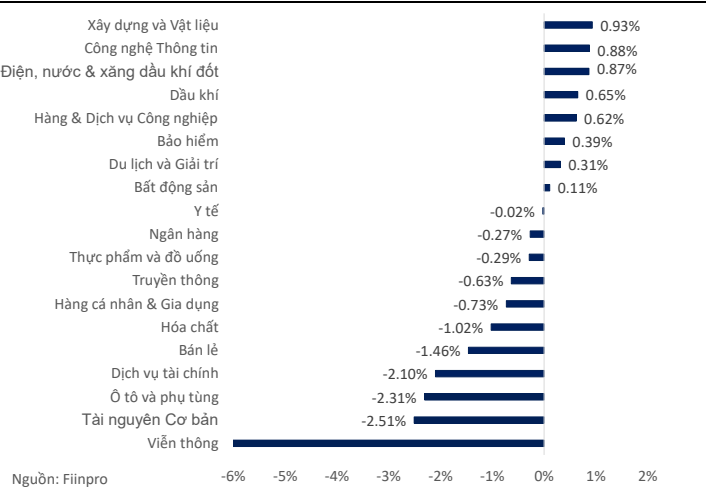
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	14.80	2.78	0.18	1.61MLN
EVS	12.40	9.73	0.12	292200
PTI	46.50	5.68	0.10	1900
VIT	20.00	9.89	0.07	10500.00
VHL	23.10	10.00	0.04	23100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	18.80	-4.57	-0.29	4.44MLN
NVB	18.30	-1.08	-0.16	21100
SHS	8.80	-1.12	-0.12	11.69MLN
THD	37.00	-0.54	-0.12	42600
KSF	70.20	-0.57	-0.09	72700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

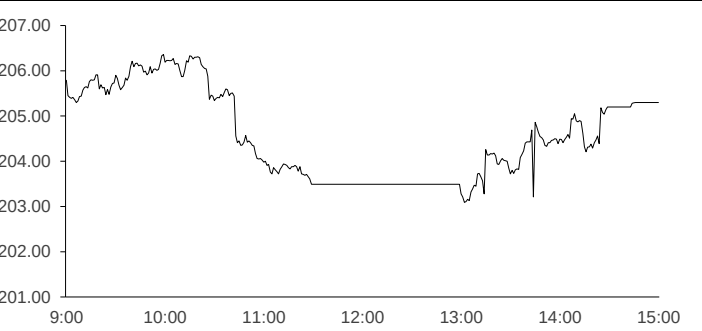
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTD	14.30	10.0	0.00	300
SDN	41.80	10.0	0.00	400
SGH	38.50	10.0	0.01	1300
VHL	23.10	10.0	0.04	23100
VIT	20.00	9.9	0.07	10500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KLF	0.90	-10.00	-0.03	4.23MLN
PIA	26.40	-9.90	-0.01	600
PBP	14.00	-9.68	-0.01	35100
TFC	6.00	-9.09	-0.01	2600
NFC	13.20	-8.97	-0.01	300

Hình 2

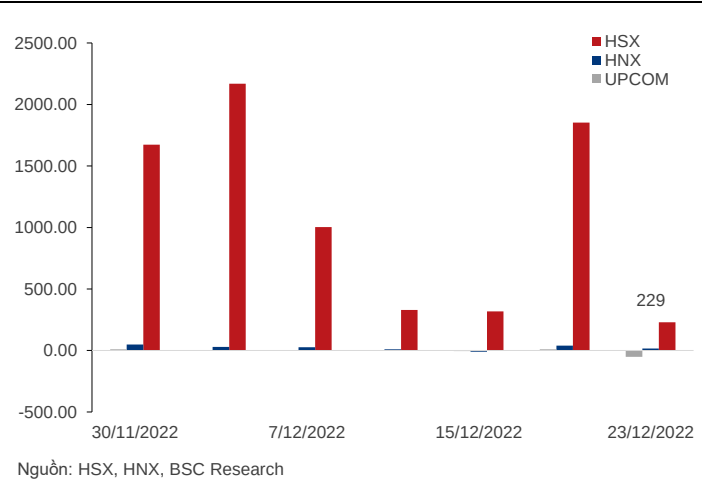
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	85.0	363	234.3	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	108.6	7,720	14.1	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	17.9	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	78.0	4,803	16.2	4.3	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	60.6	6,869	8.8	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	49.5	5,795	8.5	1.9	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	26.3	1,786	14.7	1.6	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	31.3	10,803	2.9	1.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	68.8	12,293	5.6	1.6	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	40.4	4,727	8.5	1.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	13.8	2,108	6.5	1.1	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	30.0	1,016	29.5	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	13.2	1,390	9.5	0.8	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	18.4	2,662	6.9	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	14.2	1,409	10.0	0.7	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	43.2	15,533	2.8	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	10.3	652	15.7	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	28.7	2,858	10.0	1.9	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.9	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.4	3,943	5.4	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.6	1,278	12.2	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	21.6	1,507	14.3	1.2	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.0	499	22.0	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	12.4	2,826	4.4	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	73.9	7,767	9.5	1.8	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	23.9	4,406	5.4	0.6	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	101.5	6,968	14.6	3.4	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	22.5	4,889	4.6	1.0	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	18.4	2,662	6.9	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	10.9	3,944	2.8	1.0	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	13.8	2,108	6.5	1.1	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	52.5	3,936	13.3	4.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	108.6	7,720	14.1	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.6	2,761	5.3	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.7	2,858	10.0	1.9	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	54.0	11,143	4.8	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	71.0	5,327	13.3	4.4	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	21.6	1,507	14.3	1.2	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.4	671	18.4	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	78.0	4,803	16.2	4.3	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	20.8	2,642	7.9	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	12.4	2,826	4.4	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.0	499	22.0	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	108.6	7,720	14.1	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	45.8	3,504	13.1	2.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.5	2,528	8.5	1.2	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	22.9	19.1	19.90%	24	6.55%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	85.0	74.7	13.79%	90	5.88%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	79.8	75.0	6.40%	94	18.05%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.8	13.6	1.47%	19	35.51%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	52.5	37.7	39.26%	51	-2.48%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	14.2	10.6	33.49%	14	-0.35%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	20.8	17.1	21.64%	28	34.62%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	78.0	65.9	18.36%	85	8.46%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	71.0	59.8	18.73%	75	6.06%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.2	8.20%	16	18.94%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	34.3	29.0	18.28%	43	26.53%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	21.5	16.7	28.74%	18	-15.81%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21.4	18.9	12.96%	24	10.54%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	45.8	37.9	20.84%	50	9.83%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	108.6	94.1	15.41%	119	9.48%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.0	10.5	4.78%	13	18.72%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	17.9	13.6	31.62%	20	10.06%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	22.3	19.1	16.75%	28	25.56%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	21.5	17.5	22.86%	24	13.02%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.0	10.00%	16	21.21%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	73.9	70.2	5.27%	86	16.37%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	79.1	75.0	5.47%	90	14.16%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	39.3	34.9	12.61%	48	22.14%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	68.8	74.9	-8.14%	87	26.74%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	76.2	77.0	-1.04%	86	12.73%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	25.8	25.0	3.20%	32	23.26%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thỏ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639